TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM **TỔNG CÔNG TY** **THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH-** **CÔNG TY CỔ PHẦN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 481/EEMC- HĐQT	*Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2014*

V/v: Báo cáo thường niên.

Kính gửi: **Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước**

Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 về việc: Hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ công văn số 1322/UBCK-QLPH ngày 10/5/2011 về việc: Đăng ký trở thành công ty đại chúng;

Tổng Công ty cổ Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần xin báo cáo Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước nội dung báo cáo thường niên năm 2013 như phụ lục II kèm theo.

Tổng Công ty trân trọng báo cáo Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT HĐQT, TGĐ,
- Lưu VT, TK(Hg: 05b).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0100101322 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH CÔNG TY CỔ PHẦN
H. ĐÔNG ANH - TP. HÀ NỘI

Trần Văn Quang

TNG CÔNG TY THIT B IN ÔNG ANH - CÔNG TY C PHN

Digitally signed by TNG CÔNG TY THIT B IN ÔNG ANH - CÔNG TY C PHN
Date: 2014.03.30 19:51:54 +07:00

Phụ lục số II:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần

Năm báo cáo: Năm 2013.

I. Lịch sử hoạt động của Tổng Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập: Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần tiền thân là Công ty Sản xuất Thiết bị điện được thành lập ngày 05/12/1981 theo Quyết định số 056/NL-TCCB của Bộ Năng lượng.

Ngày 19/6/1993, Bộ Năng lượng ra Quyết định số 352 NL/TCCB-LĐ thành lập lại Công ty Sản xuất thiết bị điện theo Nghị định số 338-HĐBT, theo đó Công ty là đơn vị thành viên hạch toán kinh tế độc lập trực thuộc Bộ Năng lượng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp Nhà nước số 108821 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 4/3/1995, Bộ Năng lượng ra Quyết định số 120 NL/TCCB-LĐ chuyển Công ty Sản xuất thiết bị điện về trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Công ty Sản xuất Thiết bị điện là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ.

Ngày 22/11/2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã ký Quyết định số 140/2004/QĐ-BCN chuyển Công ty Sản xuất Thiết bị điện thành Công ty cổ phần Chế tạo Thiết bị điện.

Công ty cổ phần Chế tạo Thiết bị điện chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01/6/2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008085 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/06/2005. đăng ký thay đổi lần 9 ngày 14/02/2014 số đăng ký kinh doanh: 0100101322 - Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần.

+ Chuyển đổi sở hữu: Từ công ty nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) thành Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần.

+ Niêm yết: Chưa niêm yết

+ Các sự kiện khác: Không

2. Quá trình phát triển

+ ***Ngành nghề kinh doanh***:

- Sản xuất máy biến áp, dây điện, vật tư, vật liệu, kỹ thuật điện và các sản phẩm thiết bị điện, máy móc kỹ thuật dùng trong công nghiệp và dân dụng, sản xuất cột điện đến 500kv;

- Chế tạo phụ tùng, phụ kiện bằng kim loại phục vụ sản xuất, sửa chữa cơ kim khí, thiết bị năng lượng và xây dựng;

- Tư vấn, thiết kế các sản phẩm công nghiệp;

- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;

- Xây lắp đường dây và trạm điện đến 500kv;

- Lắp đặt, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, sửa chữa, trung đại tu, cải tạo các loại thiết bị điện đến 500kv; các thiết bị cơ nhiệt, cơ thủy đến 250 ata;

- Thí nghiệm điện, chế tạo, cung cấp thiết bị và tư vấn xây dựng các phòng thí nghiệm điện cao áp;

- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị, hàng hóa công nghiệp và dân dụng;

- Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, cho thuê nhà xưởng, kho bãi;

- Kinh doanh bất động sản, điện năng;

- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, thứ liệu, phế liệu;

- Kinh doanh dịch vụ vận tải, ăn uống, khách sạn, vui chơi giải trí, thể dục thể thao (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar).

+ ***Tình hình hoạt động***: Bình thường.

3. Định hướng phát triển.

+ Các mục tiêu chủ yếu của Tổng Công ty:

- Sản xuất, sửa chữa trung đại tu, cải tạo, lắp đặt các loại máy biến áp đến 500kV.

- Xây lắp đường dây và trạm điện đến 500kV

- Thí nghiệm điện, chế tạo cung cấp thiết bị và tư vấn xây dựng các phòng thí nghiệm điện cao áp.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Xuất khẩu các loại máy biến áp đến 500kV.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị Tổng Công ty:

1. Những nột nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:

- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2013: 56.027.828.414 đồng.

- Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm cuối năm 2013: (Như bản cân đối kế toán hợp nhất kèm theo).

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

- Tình hình sản xuất chính:

+ Tổng doanh thu: 1.168.974.600.660 đồng.

+ Tổng lợi nhuận trước thuế: 56.027.828.414 đồng.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

- Những khoản đầu tư lớn: Không

- Thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới: Không

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

- Thị trường dự tính: Trong nước và nước ngoài

- Mục tiêu: Phấn đấu trở thành Tổng Công ty đạt doanh thu trên 1.000 tỷ đồng.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2013

- Khả năng sinh lời:

+ Khả năng sinh lời trên doanh thu: 3,54%

+ Khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu: 14,73%

+ Khả năng sinh lời trên tổng nguồn vốn: 4,87%

+ Khả năng sinh lời trên vốn góp: 6.066 đồng

- Khả năng thanh toán:

+ Khả năng thanh toán nhanh: 0,05 lần

+ Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: 1,33 lần.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/ 2013:

+ Giá trị tổng tài sản: 849.975.109.497 đồng

+ Giá trị nguồn vốn chủ sở hữu: 281.125.536.638 đồng.

(Chi tiết như bản báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013 kèm theo)

- ***Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:*** Có thay đổi

Năm 2013 phát hành cổ phiếu tăng: 2.883.715 CP.

- ***Tổng số cổ phiếu theo từng loại*** (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)

+ Tổng số cổ phiếu phổ thông: 9.483.715 CP

+ Cổ phiếu quỹ: 68.000 CP

- ***Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại*** (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Tổng Công ty không phát hành trái phiếu.

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

+ Cổ phiếu phổ thông: 9.483.715 CP.

+ Cổ phiếu quỹ: 68.000 CP.

- Cổ tức hoặc lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn

+ Năm 2013 chia cổ tức cho các cổ đông góp vốn là: 14,5%.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Phân tích tổng quan về hoạt động của Tổng Công ty với kế hoạch:

+ Kết quả hoạt động SXKD năm 2013 như sau:

Số TT	Nội dung	Kế hoạch 2013 (đồng)	Thực hiện 2013 (đồng)
1	Tổng doanh thu	839.753.771.000	1.168.974.600.660
2	Tổng chi phí	812.425.000.000	1.112.946.772.246
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	27.328.771.000	56.027.828.414
4	Lợi nhuận sau thuế	20.496.578.250	41.412.764.508
5	Cổ tức	13,5%	14,5%

Các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

* Kết quả hoạt động SXKD của Tổng Công ty năm 2012

Số TT	NỘI DUNG	Kế hoạch 2012 (đồng)	Thực hiện 2012 (đồng)
1	Tổng doanh thu	706.738.135.000	693.932.193.895
2	Tổng chi phí	689.000.000.000	656.388.350.743
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	17.738.135.000	37.543.843.152
4	Lợi nhuận sau thuế	13.303.601.250	26.212.500.333
5	Cổ tức trả các cổ đông	14,5%	14,5%

3. Những tiến bộ Tổng Công ty đã đạt được

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức:

+ Tổng Công ty đã điều chỉnh mặt bằng các xưởng một cách hợp lý phù hợp tình hình SXKD hiện tại bảo đảm năng xuất lao động cao nhất và thực hiện công tác quản lý theo I SO: 2001-2008

- Các biện pháp kiểm soát:

+ Tổng Công ty đã ban hành các qui chế quản lý nội bộ trên cơ sở các qui định theo các luật của Nhà nước và thực hiện công tác kiểm soát nội bộ thường xuyên theo quy định.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Nghiên cứu sâu về công nghệ để nâng cao chất lượng các sản phẩm truyền thống và thiết kế chế tạo các sản phẩm mới theo nhu cầu của thị trường.

- Nâng cao năng lực sản xuất, năng suất lao động để đạt mốc Tổng Công ty có doanh thu trên 1.000 tỷ đồng

IV. Báo cáo tài chính:

(Như bản báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013 gửi kèm theo)

Bao gồm: Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán DTL

- Ý kiến của kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2013. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

- Các nhận xét đặc biệt: Không có

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: Tổng Công ty đã hoàn thành vượt mức nhiệm vụ SXKD do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đề ra.

- Các nhận xét đặc biệt: Không có

VI. Các công ty có liên quan

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 46,2% vốn điều lệ của EEMC.

Tên cổ đông	Cơ cấu vốn điều lệ (triệu đồng)	Số vốn đã góp đến cuối kỳ báo cáo (triệu đồng)	Tỷ lệ cam kết góp vốn (%)
+ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	43.857,450	43.857,450	46,2
+ Các cổ đông thể nhân khác	50.979,700	50.979,700	53,8
Tổng cộng:	**94.837,150**	**94.837,150**	**100**

VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty:

+ Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty bao gồm các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định các vấn đề lớn về tổ chức hoạt động, sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển... của Tổng Công ty theo quy định của Điều lệ. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Tổng Công ty giữa hai kỳ đại hội.

+ Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc khác của Tổng Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Hội đồng quản trị có trách nhiệm định hướng chiến lược phát triển và phương án đầu tư của Tổng Công ty trên cơ sở các định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thông qua việc hoạch định các chính sách, ra nghị quyết cho từng thời kỳ phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Tổng Công ty theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Năm 2013 thay đổi 01 thành viên Hội đồng quản trị thông qua Đại hội đồng cổ đông bất thường tháng 10 năm 2013.

+ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty, kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và thực hiện các công việc khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

Năm 2013 thay đổi 01 thành viên Ban Kiểm soát thông qua Đại hội đồng cổ đông bất thường tháng 10 năm 2013.

+ ***Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tổng Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm: Không thay đổi

- Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc: Tiền lương, thưởng và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc:

+ Các quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc hưởng theo qui chế trả lương, thưởng của Tổng Công ty đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông.

- *Số lượng cán bộ, nhân viên toàn Tổng Công ty*:

+ Bình quân năm 2013: 820 người

- *Chính sách đối với người lao động:*

+ Thực hiện đúng theo qui định hiện hành của bộ Luật Lao động.

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị, Chủ tịch và Ban Kiểm soát:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

HĐQT Tổng Công ty có 05 thành viên cơ cấu như sau:

a, Ông Trần Văn Quang - Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty

b, Ông Nguyễn Đức Công - Uỷ viên HĐQT Tổng Công ty

c, Ông Nguyễn Nghiêm Lĩnh - Uỷ viên HĐQT Tổng Công ty

d, Ông Hồ Đức Thanh - Uỷ viên HĐQT Tổng Công ty

e, Ông Trần Hữu Ánh - Uỷ viên HĐQT Tổng Công ty.

- Ban Tổng Giám đốc:

a, Ông Trần Văn Quang - Tổng Giám đốc

b, Ông Nguyễn Đức Công - Phó Tổng Giám đốc

c, Ông Hồ Đức Thanh - Phó Tổng Giám đốc

d, Ông Lê Văn Điểm - Phó Tổng Giám đốc

e, Ông Nguyễn Văn Giang - Phó Tổng Giám đốc

f, Ông Nguyễn Xuân Thu - Phó Tổng Giám đốc.

- ***Kế toán trưởng:***

Ông Phạm Xuân Thành - Kế toán trưởng.

- ***Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:***

a, Bà Bùi Thị Hằng Nga - Trưởng ban Kiểm soát

b, Ông Cao Xuân Hải - Thành viên ban Kiểm soát

c, Bà Lê Thị Thuỳ Anh - Thành viên ban Kiểm soát.

- Hoạt động của HĐQT: Thực hiện đúng theo chức năng nhiệm vụ đã được qui định tại Điều lệ Tổng Công ty.

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Không có thành viên HĐQT độc lập.

- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên: Tổng Công ty không biên chế các tiểu ban này.

- Hoạt động của Ban Kiểm soát: Thực hiện đúng theo chức năng nhiệm vụ đã được qui định tại Điều lệ Tổng Công ty.

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty: Toàn Tổng Công ty thực hiện theo ISO: 2001-2008

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát: Các khoản chi phí này đều được thông qua các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm cụ thể như sau:

Số TT	Nội dung	Số người	Tổng thù lao 1 năm *(đồng)*
I	**Tổng thù lao HĐQT, BKS năm 2013**		**420.000.000**
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	01	120.000.000
2	Thành viên HĐQT không chuyên trách	04	240.000.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát không chuyên trách	01	36.000.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách	02	24.000.000
II	**Tổng thù lao HĐQT, BKS năm 2014**		**420.000.000**
1	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	01	120.000.000

2	Thành viên HĐQT không chuyên trách	04	240.000.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát không chuyên trách	01	36.000.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách	02	24.000.000

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:

+ Đến thời điểm 31/12/2013 các thành viên HĐQT nắm giữ cổ phần như sau:

a, Ông Trần Văn Quang - Chủ tịch HĐQT: 144.060 CP đạt 1,52% vốn điều lệ

b, Ông Nguyễn Đức Công - Uỷ viên HĐQT: 64.100 CP đạt 0,68% vốn điều lệ

c, Ông Nguyễn Nghiêm Lĩnh - Uỷ viên HĐQT: Không

d, Ông Hồ Đức Thanh - Uỷ viên HĐQT: 61.584 CP đạt 0,65% vốn điều lệ.

e, Ông Trần Hữu Ánh - Uỷ viên HĐQT: 13.286 CP đạt 0,14% vốn điều lệ.

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của Tổng Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban tổng Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: (01 thành viên HĐQT mua thêm cổ phiếu: 20.000 CP, 01 Phó Tổng Giám đốc mua thêm 30.000 CP).

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với Tổng Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Đến thời điểm hiện tại không có trường hợp nào.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổng đông/thành viên góp vốn Nhà nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước:

+ Đại diện quản lý phần vốn Nhà nước tại Tổng Công ty là Tập Đoàn điện lực Việt nam cơ cấu vốn góp như sau:

Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Số 18, Phố Trần Nguyên Hãn, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	4.385.745	46,2%

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên; Địa chỉ liên lạc; Ngành nghề kinh doanh; số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong Tổng Công ty:

- **Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty (tính đến thời điểm 31/12/2013):**

Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Giá trị vốn cổ phần (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổng số cổ phần:	**9.483.715**	**94.837.150.000**	**100,0**
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.385.745	43.857.450.000	46,2
- Người lao động trong Tổng Công ty	3.099.362	30.993.620.000	32,7
- Các cổ đông ngoài	1.920.608	19.206.080.000	20,3
- Cổ đông nước ngoài	10.000	100.000.000	0,1
- Cổ phiếu quỹ (Từ 2007)	68.000	680.000.000	0,7

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông sáng lập:

+ Trong phụ lục đính kèm tại Điều lệ Tổng Công ty.

2.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài:

Tổng Công ty có 01 cổ đông người nước ngoài là ông YOUN SANG HOON người Hàn quốc; Sở hữu số cổ phần là: 10.000 CP chiếm tỷ lệ 0,1% vốn điều lệ. Số hộ chiếu 7068492, cấp ngày 14/11/ 2005, nơi cấp Hàn Quốc. Hiện đang thường trú tại: CA1-6, Mỹ Phúc, Phú Mỹ Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh./.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần ("Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Nhóm Công ty") đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Văn Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Công	Uỷ viên
Ông Hồ Đức Thanh	Uỷ viên
Ông Trần Hữu Ánh	Ủy viên
Ông Lê Văn Điểm	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 25/10/2013)
Ông Nguyễn Nghiêm Lĩnh	Ủy Viên (Bổ nhiệm ngày 25/10/2013)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Bùi Thị Hằng Nga	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 25/10/2013)
Ông Trần Trung Dũng	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 25/10/2013)
Ông Cao Xuân Hải	Thành viên
Bà Lê Thị Thùy Anh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Văn Quang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Đức Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Điểm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thu	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL - Văn phòng Hà Nội, thành viên Hãng RSM International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê chuẩn rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 0100101322 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH
CÔNG TY CỔ PHẦN
H. ĐÔNG ANH - TP. HÀ NỘI

Trần Văn Quang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 03 năm 2014

RSM DTL Auditing
Connected for Success

Văn phòng Hà Nội
Tầng 7, Tòa nhà Lotus, Số 2 Đường Duy Tân
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Tel: +844 3795 53 53 | Fax: +844 3795 52 52
www.rsm.com.vn | dtl_hanoi@rsm.com.vn

Số.10/2014/DTLHN - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông**
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh ("Công ty") và các Công ty con ("Nhóm Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty thấy cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

M.S.C.N: 0302361789-001 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN D.T.L CHI NHÁNH HÀ NỘI Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Thành Lâm
Giám đốc
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0299-2013-026-1

Hoàng Thị Vinh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1678-2013-026-1

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội
Thành viên Hãng RSM International

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**765.121.389.923**	**694.887.230.260**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4.1**	**48.985.809.485**	**22.984.404.148**
1. Tiền	111		48.985.809.485	22.984.404.148
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**545.600.000**	**54.900.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.028.000.000	603.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(482.400.000)	(548.100.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**297.719.666.180**	**279.457.996.117**
1. Phải thu của khách hàng	131	4.2	279.162.501.565	218.711.366.883
2. Trả trước cho người bán	132	4.3	23.449.245.630	49.649.131.068
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134	4.4	10.156.231.800	10.156.231.800
4. Các khoản phải thu khác	135	4.5	6.264.688.054	7.787.708.976
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	4.2	(21.313.000.869)	(6.846.442.610)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**4.6**	**410.189.515.463**	**388.877.367.376**
1. Hàng tồn kho	141		410.189.515.463	389.528.494.470
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(651.127.094)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**7.680.798.795**	**3.512.562.619**
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.254.211.048	7.026.716
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.426.587.747	3.505.535.903
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**84.853.719.574**	**90.845.553.414**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**81.179.592.990**	**87.653.112.652**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	80.782.850.562	83.077.796.234
Nguyên giá	222		216.256.628.556	209.388.006.458
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(135.473.777.994)	(126.310.210.224)
2. Tài sản cố định vô hình	227		396.742.428	135.924.240
Nguyên giá	228		751.000.000	451.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(354.257.572)	(315.075.760)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	4.439.392.178
III. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**3.096.114.000**	**3.096.114.000**
1. Đầu tư dài hạn khác	258	4.8	3.096.114.000	3.096.114.000
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**578.012.584**	**96.326.762**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		47.012.584	96.326.762
2. Tài sản dài hạn khác	268		531.000.000	-
VI. Lợi thế thương mại	**269**		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**849.975.109.497**	**785.732.783.674**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013 (Trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**568.849.572.859**	**564.000.109.778**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**568.832.641.042**	**561.940.130.987**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.9	337.829.129.917	322.225.813.932
2. Phải trả người bán	312	4.10	71.365.405.305	56.873.374.596
3. Người mua trả tiền trước	313	4.11	54.691.472.089	84.010.797.155
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.12	17.977.873.424	10.274.185.192
5. Phải trả người lao động	315		15.326.496.203	9.577.752.607
6. Chi phí phải trả	316		1.064.480.266	832.690.785
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.13	33.439.139.795	53.167.611.767
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	4.14	30.054.702.993	18.056.225.656
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.083.941.050	6.921.679.297
II. Nợ dài hạn	**330**		**16.931.817**	**2.059.978.791**
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	498.750.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	1.550.319.700
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		16.931.817	10.909.091
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**4.15**	**281.125.536.638**	**221.732.673.896**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**267.769.809.769**	**209.607.755.682**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		94.837.150.000	66.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.284.860.000	8.750.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(1.360.000.000)	(1.360.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		535.485.797	81.393.518.048
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.113.123.297	12.502.593.627
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		86.938.217.280	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		57.420.973.395	42.321.644.007
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**13.355.726.869**	**12.124.918.214**
1. Nguồn kinh phí	432		13.355.726.869	12.124.918.214
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	**439**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**849.975.109.497**	**785.732.783.674**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013
1. Ngoại tệ các loại			
- USD		*177.856,22*	*283.472,35*
- EUR		*1.161,28*	*1.260,22*

Trần Văn Quang
Tổng Giám đốc

Phạm Xuân Thành
Kế toán trưởng

Lê Đức Hạnh
Người lập

Ngày 20 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**5.1**	**1.168.974.600.660**	**661.606.999.809**
2. Các khoản giảm trừ	02	5.1	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**5.1**	**1.168.974.600.660**	**661.606.999.809**
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	893.397.031.248	474.576.074.971
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**275.577.569.412**	**187.030.924.838**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.739.345.148	1.550.977.283
7. Chi phí tài chính	22	5.3	40.095.710.862	50.669.322.909
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*33.341.953.681*	*45.508.452.054*
8. Chi phí bán hàng	24	5.4	82.407.178.711	46.987.654.082
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	100.477.053.643	72.293.075.348
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**54.336.971.344**	**18.631.849.782**
11. Thu nhập khác	31	5.6	6.120.344.845	30.774.216.803
12. Chi phí khác	32	5.7	4.429.487.775	11.862.223.433
13. Lợi nhuận khác	**40**		**1.690.857.070**	**18.911.993.370**
14. Lãi / lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	**45**		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**56.027.828.414**	**37.543.843.152**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	14.615.063.906	11.331.342.819
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**41.412.764.508**	**26.212.500.333**
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		41.412.764.508	26.212.500.333
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**4.15.3**	**6.066**	**4.013**

M.S.D.N: 0100101322 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH
CÔNG TY CỔ PHẦN
H. ĐÔNG ANH - TP. HÀ NỘI

Trần Văn Quang	Phạm Xuân Thành	Lê Đức Hạnh
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Ngày 20 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**5.8**	**56.027.828.414**	**37.543.843.152**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.9	16.324.023.864	18.147.239.180
- Các khoản dự phòng	03		13.749.731.165	(427.550.383)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		486.545.713	1.072.259.545
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.807.630.260)	4.835.627.892
- Chi phí lãi vay	06	5.3	33.341.953.681	45.508.452.054
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**08**		**117.122.452.577**	**106.679.871.440**
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09		(39.769.537.317)	89.036.514.630
- (Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10		(20.661.020.994)	(80.581.547.141)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(24.101.514.057)	(10.046.613.687)
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		49.314.178	309.246.093
- Lãi tiền vay đã trả	13	5.9	(33.519.241.728)	(45.685.740.101)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(9.817.757.784)	(17.894.913.906)
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm		4.15.4	4.377.000.000	10.800.000.000
- Chi sự nghiệp		4.15.4	(3.146.191.345)	(3.816.800.000)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.000.000.000)	(8.784.670.298)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(11.466.496.470)**	**40.015.347.030**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(10.267.847.475)	(5.987.805.446)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TS DH khác	22		702.636.364	2.819.090.909
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.452.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.104.993.896	1.494.004.230
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(7.460.217.215)**	**(222.710.307)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	31		40.372.010.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		225.990.543.681	814.314.642.480
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(211.937.547.396)	(847.777.307.205)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.15.4	(9.471.400.000)	(9.471.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**44.953.606.285**	**(42.934.064.725)**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	**50**		**26.026.892.600**	**(3.141.428.002)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**4.1**	**22.984.404.148**	**26.140.598.234**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(25.487.263)	(14.766.084)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**4.1**	**48.985.809.485**	**22.984.404.148**

M.S.D.N: 0100101322 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH
CÔNG TY CỔ PHẦN
H. ĐÔNG ANH - TP. HÀ NỘI

Trần Văn Quang	Phạm Xuân Thành	Lê Đức Hạnh
Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập

Ngày 20 tháng 03 năm 2014